

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cầu;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1986 (có mặt);

Cư trú: Tổ 08, Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1984 (có mặt);

Cư trú: Tổ C, Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Do tự tìm hiểu nên chị và anh Nguyễn Đức T quen biết nhau và tự nguyện sống chung như vợ chồng năm 2014, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, C, An Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình cha mẹ ruột chị được thời gian ngắn khoảng 04 tháng. Do anh T có mâu thuẫn với cha mẹ chị nên vợ

chồng về bên gia đình anh T sinh sống được 04 năm thì cha mẹ ruột kêu chị về cất nhà gần bên để ở. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chung thủy, không lo tiếp kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con. Chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, mà còn chửi tục chị. Từ đó, vợ chồng thường hay cự cãi, ảnh hưởng tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng và không tin tưởng nhau nữa, gia đình không còn êm ấm. Cha mẹ hai bên cũng không hàn gắn. Tháng 9/2023 thì anh T tự ý bỏ đi về nhà cha mẹ ruột của anh. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, ban đầu anh T có tới lui thăm con, nhưng không năn nỉ để hàn gắn vợ chồng, anh còn thách thức chị khởi kiện ly hôn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, một đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 29/11/2014, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức T:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh T, do anh không có mặt tại nhà vào thời điểm Tòa án đến và anh T cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị H ly hôn với anh T. Về con chung: Yêu cầu được nuôi cháu Lan A, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh T: Anh vẫn còn thương vợ, thừa nhận có lỗi với chị H, mong chị cho anh cơ hội để sửa đổi bản thân, vợ chồng đoàn tụ để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc cho con. Nếu vợ kiên quyết ly hôn thì anh không có ý kiến. Về con chung: thống nhất giao cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, nhưng vẫn chăm lo cho con đầy đủ. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T; về con chung: giao cháu Lan A cho chị H được tiếp tục nuôi

dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 02 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T có hộ khẩu thường trú ở ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi cưới, vợ chồng hạnh phúc được gần 10 năm, đến tháng 09 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh T theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh T vắng mặt tại nhà. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh T xác định còn thương yêu vợ, không đồng ý ly hôn, muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm lo cho con. Nhưng phía nguyên đơn chị H vẫn không đồng ý cho anh T cơ hội để hàn gắn, mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên, giải thích, nhưng chị vẫn không thay đổi, vì cho rằng anh T không bao giờ thay đổi, bản thân chị hiện tại cũng không còn tình cảm với anh T, vợ chồng cũng đã ly thân gần một năm nay.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau, tôn trọng và chia sẻ, cùng nhau vượt qua khó khăn trong cuộc sống. Nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc H là được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

[2.2] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:* Chị H và anh T đều xác định quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 29/11/2014, hiện đang sống với chị H. Do đó cần công nhận cháu Lan A là con chung của chị H và anh T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân, cháu Lan

A sống với mẹ. Bên cạnh đó, tại Biên bản lấy lời khai của cháu Lan A thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, phía anh T cũng không tranh chấp quyền nuôi con. Hơn nữa, cháu Lan A là con gái nên giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn. Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống cho cháu, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc H là được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lan A.

[2.3] *Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Nguyễn Đức T có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[2.4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Do chị Nguyễn Thị Ngọc H có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức T nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Đức T.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận cháu Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 29/11/2014 là con chung của chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Đức T;

+ Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Lan A cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành; Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu;

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004548 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên chị H đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Cầu

Nguyễn Thị Ngọc Kiều

Hà Thị Mỹ Linh

